

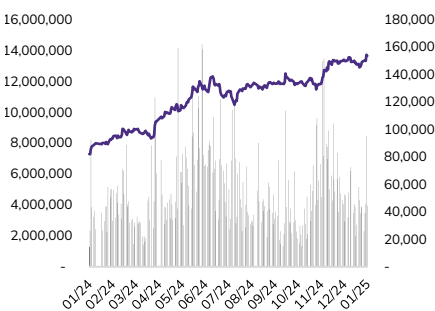
Bùi Minh Anh

Email: anh.buimin@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Công nghệ thông tin
 Ngày báo cáo : 13/02/2025
 Giá hiện tại (VND/CP): 143.100
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 210.510
 SLCPLH (CP) : 1.471.069.183

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fireant, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q23	4Q24
Tăng trưởng DTT (%)	12.6%	19.9%
Tăng trưởng LNST (%)	27.9%	21.1%
Biên LNG (%)	38.3%	36.8%
Biên LNST (%)	11.7%	11.9%
ROA (%)	11.56%	11.87%
ROE (%)	33.85%	28.63%
Nợ vay/VCSH (lần)	0.47	0.42
EPS (VND/CP)	925	994
BVPS (VND/CP)	19,678	20,298

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Xu hướng chuyển đổi số thúc đẩy đà tăng trưởng năm 2025

- FPT ghi dấu ấn với kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng hai chữ số.
 - Cụ thể, doanh thu thuần trong Q4/2024 đạt 17.608 tỷ đồng (+19,9% svck), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 2.087 tỷ đồng (+21,1% svck). **Đà tăng trưởng mạnh mẽ ở quý này nhờ đóng góp lớn từ Khối Công nghệ** (chiếm 63% DTT), đạt 11.146 tỷ đồng doanh thu (+24,8% svck), trong đó 2 yếu tố chính giúp mảng kinh doanh này duy trì phong độ là **(1)** thị trường CNTT nước ngoài đem về 8.285 tỷ đồng (+24,4% svck), được thúc đẩy từ nhu cầu tại Nhật Bản và Châu Á – Thái Bình Dương (APAC) và **(2)** nhờ sự hỗ trợ và đẩy mạnh hợp tác với khối chính phủ về mảng công nghệ mới như Trí tuệ nhân tạo, Điện toán đám mây,... vào cuối năm 2024.
 - Biên lợi nhuận gộp ghi nhận giảm -1,5 điểm phần trăm về mức 36,8% do trong kỳ giá vốn hàng bán (chủ yếu là giá vốn dịch vụ) tăng vọt +22,7% svck. Xu hướng của biên LN gộp hiện cũng đang trong xu hướng giảm theo từng quý.
 - Chi phí bán hàng & QLDN tăng nhẹ +3,8% svck tuy nhiên tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí QLDN/DTT giảm về mức 19,4% so với mức 22,4% cùng kỳ.
 - Chi phí tài chính tăng mạnh do khoản lỗ chênh lệch tỷ giá tăng gấp 2,5 lần svck lên mức 145 tỷ đồng, dự phòng giảm giá khoản đầu tư tăng gấp 2,1 lần lên mức 546 tỷ đồng. Tuy nhiên chi phí lãi vay giảm đáng kể về mức 135 tỷ đồng (-34,7% svck) do trong kỳ FPT đã chi trả nợ vay dài hạn với kỳ hạn không quá 3 năm từ mức 1.509 tỷ đồng xuống còn 627,8 tỷ đồng.
- Lũy kế cả năm 2024**, doanh thu thuần của FPT đạt 62.849 tỷ đồng (+19,4% svck), LNNTT đạt 11.071 tỷ đồng (+20,3% svck), LNST đạt mức 7.849 tỷ đồng (+21,4% svck), biên LN gộp giảm -0,7 điểm phần trăm về 37,9%. Như vậy so với kế hoạch đề ra đầu năm, FPT đã vượt 1,6% mục tiêu doanh thu và 1,8% mục tiêu LNNTT của năm.
 - Khối CNTT (gồm dịch vụ CNTT trong nước và nước ngoài) đạt 39.110 tỷ đồng (+24,4% svck)**. Theo đó dịch vụ CNTT nước ngoài (chiếm 79% DT CNTT) ghi nhận tăng trưởng +27,4% svck, đạt 30.953 tỷ đồng.
 - Về cơ cấu doanh thu theo thị trường, Nhật Bản chiếm tỷ trọng doanh thu CNTT nước ngoài lớn nhất với 40% (thị trường Châu Á – TBD chiếm 27%, US chiếm 25% và EU chiếm 8%) đạt 12.325 tỷ đồng (+36,3% svck theo Yên Nhật, tuy nhiên so sự suy thoái của tỷ giá, do đó doanh thu chuyển đổi sang đồng VNĐ chỉ ghi nhận tăng +32,2%).
 - Doanh thu ký mới đạt 33.592 tỷ đồng (+13% svck) với nhiều đơn hàng lớn, thắng thầu 48 dự án trên 5 triệu USD (+50% svck). Động lực này đến từ

nhu cầu chi tiêu cho CNTT lớn, đặc biệt là chi tiêu cho chuyển đổi số khi doanh thu mảng này trong năm 2024 đạt 14.263 tỷ đồng (+37% svck) tập trung vào các công nghệ mới như Cloud, AI/Data Analytics,...

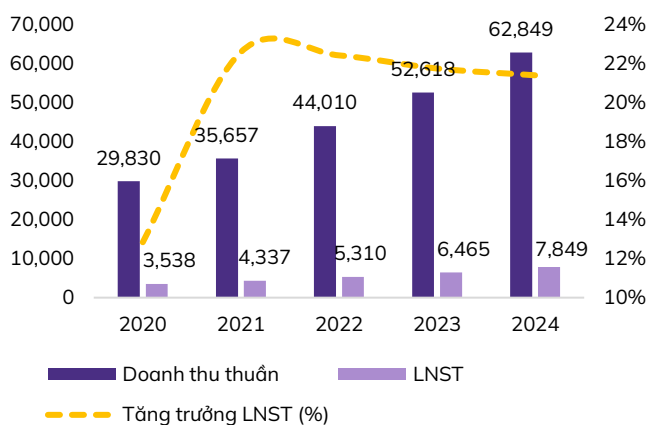
- Ngoài ra ở cuối năm 2024, với sự hỗ trợ từ chính phủ khi liên tiếp các Nghị định được ban hành, phê duyệt nhằm thúc đẩy phát triển xu hướng chuyển đổi số, mảng dịch vụ CNTT trong nước ghi nhận tăng trưởng +13,9% svck lên mức 8.157 tỷ đồng.

KẾT QUẢ KINH DOANH Q4/2024 VÀ CẢ NĂM 2024

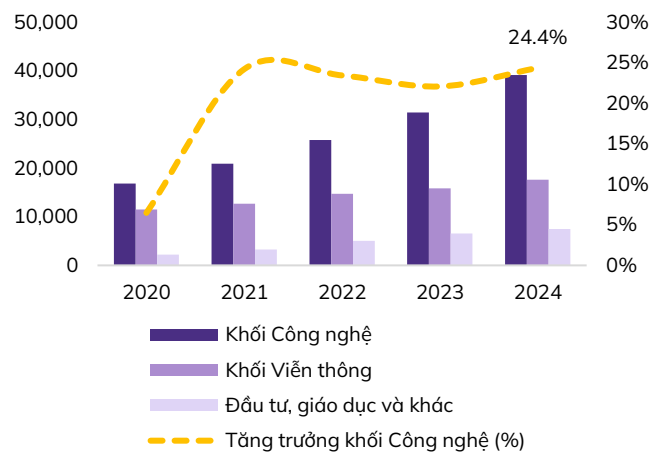
Chỉ tiêu	Q4/2023	Q4/2024	%YoY	2023	2024	%YoY
Doanh thu thuần	14,690	17,608	19.9%	52,618	62,849	19.4%
Lợi nhuận gộp	5,632	6,479	15.0%	20,320	23,800	17.1%
Biên LN gộp (%)	38.3%	36.8%		38.6%	37.9%	
Chi phí BH & QLDN	(3,296)	(3,420)	3.8%	(11,868)	(13,285)	11.9%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	22.4%	19.4%		22.6%	21.1%	
Doanh thu tài chính	520	576	10.8%	2,336	1,929	-17.4%
Chi phí tài chính	(528)	(831)	57.6%	(1718)	(1812)	5.4%
Chi phí lãi vay	(207)	(135)	-34.7%	(833)	(552)	-33.7%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2,387	2,922	22.4%	9,112	11,026	21.0%
Lợi nhuận trước thuế	2,435	2,960	21.5%	9,203	11,071	20.3%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	1,723	2,087	21.1%	6,465	7,849	21.4%
Biên LN ròng (%)	11.7%	11.9%		12.3%	12.5%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD của FPT giai đoạn 2020 - 2024 (Tỷ đồng)



Cơ cấu doanh thu theo mảng (Tỷ đồng)

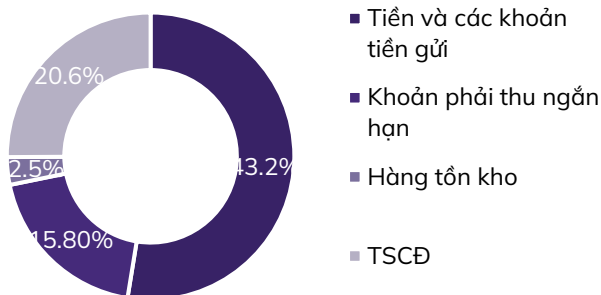


Nguồn: FPT, ABS Research

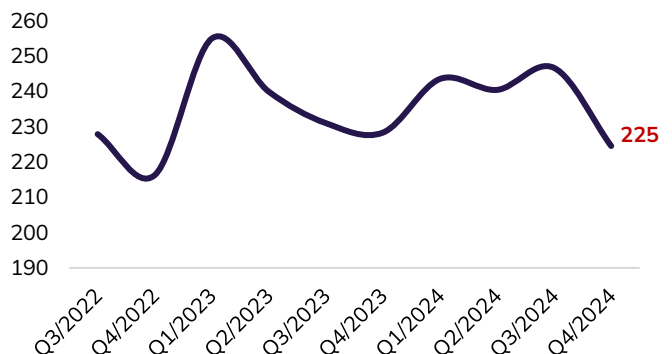
- **Khối Viễn thông và Giáo dục tăng trưởng bền vững trong nhiều năm qua**, lần lượt đạt 17.610 tỷ đồng và 7.444 tỷ đồng doanh thu, tăng +11,4% và +13,3% svck. Doanh thu từ mảng Viễn thông chủ yếu đến từ các dịch vụ internet, băng thông rộng, các nội dung số từ hệ thống báo điện tử, quảng cáo trực tuyến,... Đối với mảng Giáo dục, mức tăng trưởng nhờ nhu cầu về các chuyên ngành CNTT đặc biệt về đào tạo phát triển nhân sự trong lĩnh vực liên quan đến Trí tuệ nhân tạo, Chip bán dẫn,... khá cao trong khi đó chính phủ đang có những hỗ trợ đối với nguồn nhân lực này.

- **Doanh nghiệp có lượng tiền mặt dồi dào, dòng tiền hoạt động kinh doanh CFO đạt mức cao kỷ lục, nợ vay ở mức thấp.**
 - Tại 31/12/2024, tổng tài sản của FPT đạt 72.013 tỷ đồng (+19,4% svck), trong đó khoản mục tiền và các khoản tiền gửi chiếm 43% TTS đạt 31.100 tỷ đồng (+27,5% svck) chủ yếu do khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tăng +35,2% lên mức 21.785 tỷ đồng.
 - Khoản phải thu ngắn hạn đạt 11.380 tỷ đồng (+17,6% svck, chiếm 15,8% TTS) do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 16,3% lên mức 10.537 tỷ đồng. Mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã giảm 32% svck xuống 619,5 tỷ đồng do trong kỳ công ty đã xử lý công nợ không có khả năng thu hồi từ khách hàng cá nhân nhóm viễn thông. Số ngày các khoản phải thu cải thiện về mức 225 ngày và đạt mức thấp nhất kể từ Q4/2022. Chỉ số CFO luôn dương, cuối năm 2024 đạt mức kỷ lục là 12.689 tỷ đồng.
 - FPT ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng +94,6% svck lên mức 2.559,8 tỷ đồng đến từ các dự mới bao gồm Dự án AI Factory (phát sinh 979,7 tỷ đồng svck), Trung tâm dữ liệu Quận 9 (+4,1% svck), F-Town 3 (tăng 5,3 lần svck), FPT Complex 3 (tăng 2,6 lần svck).
 - Tổng nợ vay của FPT tính đến 31/12/2024 là 14.947 tỷ đồng (+6,4% svck, chiếm 20,7% tổng nguồn vốn) trong đó nợ vay ngắn hạn chiếm phần lớn tổng nợ vay là 14.446 tỷ đồng (+4,4% svck) đến từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế. Ngoài ra, công ty có các khoản vay ngoại tệ bằng đồng EUR chiếm 0,04%, đồng USD chiếm 5,5%, đồng JPY chiếm 9,7%, còn lại 84,8% đến từ đồng VND. Công ty đã phòng ngừa rủi ro tỷ giá USD và JPY bằng các giao dịch hoán đổi ngoại tệ và các hợp đồng cung cấp dịch vụ thu tiền bằng hai loại ngoại tệ này.

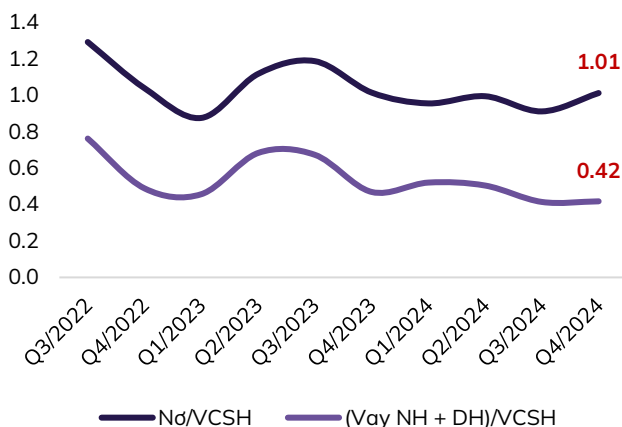
Cơ cấu tài sản của FPT tính đến 31/12/2024



Số ngày các khoản phải thu cải thiện svck (ngày)



Nợ vay trong xu hướng giảm (Lần)



Lưu chuyển tiền tệ (Tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao với tỷ lệ nợ/VCSH là 1,01 lần. Tuy nhiên tỷ lệ D/E của FPT nằm ở dưới mức rủi ro là 0,42 lần. Tuy nhiên chúng tôi lưu ý tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh có thể sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính chung của doanh nghiệp.
- **Chúng tôi đánh giá triển vọng kinh doanh trong năm 2025 của FPT đến từ những yếu tố:**
 - **Khối Công nghệ: Nhu cầu chi tiêu cho CNTT tăng nhanh chóng đặc biệt trong lĩnh vực chuyển đổi số**
 - ✓ Cơ hội này đến từ hai thị trường trọng điểm gồm Nhật Bản và APAC khi đóng góp từ CNTT nước ngoài chiếm hơn 80% doanh thu công nghệ. Theo Gartner, nhu cầu chi tiêu cho dịch vụ CNTT toàn cầu năm 2025 dự kiến tăng 9,4% svck lên 1,73 nghìn tỷ USD. Tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) cho CNTT toàn cầu giai đoạn 2024 – 2029 là 8,38% trong đó thị trường Châu Á – Thái Bình Dương được dự báo là thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
 - ✓ Chúng tôi kỳ vọng lĩnh vực này tiếp tục đem lại mức tăng trưởng 2 chữ số nhờ: **(i)** Khối lượng đơn hàng ký mới tại nước ngoài do nhu cầu tăng cao; **(ii)** Xu hướng AI tạo sinh thúc đẩy chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ tại Nhật Bản và thị trường Châu Á với FPT Smart Cloud; **(iii)** Dự án FPT AI Factory mới được ra mắt vào tháng 11/2024 tại Việt Nam và Nhật Bản dự kiến sẽ tạo ra doanh thu vào năm 2025 với mục tiêu là khoảng 100 triệu USD; **(iv)** Bên cạnh đó, FPT cũng đã mở rộng thị phần tại EU với văn phòng tại Đức, Thụy Điển cùng các trụ sở khác tại Saudi Arabia, Malaysia, triển khai chiến lược DC5 và đầu tư mạnh mẽ vào AI, Cloud, Chip bán dẫn, Automotive.
 - ✓ Cuối năm 2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu kinh tế số sẽ đóng góp 20% GDP vào năm 2025 và nâng lên 30% GDP vào năm 2030. Điều này giúp nhu cầu chi tiêu CNTT trong nước tiếp tục được phát triển, hỗ trợ thúc đẩy mảng kinh doanh Điện toán đám mây và Trí tuệ nhân tạo trong nước.
 - **Mảng viễn thông và Giáo dục tiếp tục duy trì mức tăng trưởng 2 chữ số nhờ đầu tư thêm vào Capex cũng như nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực mới gia tăng.**
 - ✓ **Mảng Viễn thông**, chúng tôi nhận định thị trường băng thông rộng (BTR) dân bảo hòa do phần trăm tăng trưởng số lượng BTR trong 2 năm vừa qua chỉ đạt 1 chữ số (trong khi giai đoạn trước luôn tăng trưởng trên 10%) và tỷ lệ hộ gia đình sử dụng BTR vào cuối năm 2024 đã đạt 82,9%. Do đó việc đầu tư thêm vào Trung tâm dữ liệu Quận 9 (dự kiến sẽ hoàn thành xây dựng trong năm 2025) do nhu cầu về AI và bảo mật dữ liệu ngày càng tăng, chúng tôi kỳ vọng doanh thu từ lĩnh vực này tăng trưởng 2 chữ số.
 - ✓ **Mảng Giáo dục**, với nhu cầu đào tạo phát triển nhân lực trong các lĩnh vực như AI, Chip bán dẫn, Automotive, Robotics,...gia tăng, trong khi nguồn nhân lực còn thiếu hụt, đại học FPT đã ký kết với đại học Asia, Đài Loan thỏa thuận hợp tác đào tạo trong lĩnh vực bán dẫn và sản xuất thông minh. Chúng tôi kỳ vọng thỏa thuận hợp tác trao đổi này cũng như các dự án mở rộng khác tại các tỉnh thành như Đà Nẵng hay đầu tư mở rộng thêm trường phổ thông, đặc biệt là các trường phổ thông liên cấp tại Huế và Hậu Giang dự kiến được đưa vào hoạt động trong năm 2025 sẽ góp phần duy trì mức tăng trưởng doanh thu ổn định trong tương lai.

Đánh giá và Khuyến nghị

- Mức tăng trưởng của FPT đều duy trì ở mức 2x%, do đó ABS Research dự phóng LNST cổ đông công ty mẹ năm 2025 dự kiến là 9.418 tỷ đồng (+20% svck). EPS và BVPS 2025F ước tính là 6.403 đ/cp và 30.734 đ/cp. ROE 2025F dự kiến đạt 20,8%.
- Tại mức giá hiện tại 143.100 đ/cp, FPT đang giao dịch với 2025F P/E 22,2 lần, thấp hơn trung bình ngành, P/B 2025F là 4,6 lần, cao hơn mức trung bình ngành.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA FPT

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	35,657	44,010	52,618	62,849
Giá vốn hàng bán	(22,025)	(26,842)	(32,298)	(39,049)
Lợi nhuận gộp	13,632	17,167	20,320	23,800
Doanh thu tài chính	1,271	1,999	2,336	1,929
Chi phí tài chính	(1,144)	(1,687)	(1,718)	(1,812)
Chi phí bán hàng	(3,605)	(4,526)	(5,243)	(6,205)
Chi phí QLDN	(4,612)	(5,846)	(6,625)	(7,079)
Lợi nhuận từ HĐKD	6,228	7,589	9,112	11,026
Lãi/lỗ khác	109	73	91	45
Lợi nhuận trước thuế	6,337	7,662	9,203	11,071
Lợi nhuận sau thuế	5,349	6,491	7,788	9,420
LNST cổ đông Công ty mẹ	4,337	5,310	6,465	7,849

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	5,840	5,054	9,517	12,689
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(10,413)	5,757	(6,548)	(9,447)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	5,365	(9,773)	(1,168)	(2,198)
LCT thuần trong kỳ	791	1,038	1,800	1,044
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,686	5,418	6,440	8,279
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,418	6,440	8,279	9,315

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.18	1.26	1.24	1.31
Khả năng thanh toán nhanh	0.41	0.61	0.61	0.60
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.18	0.26	0.28	0.27
Khả năng thanh toán lãi vay	11.19	10.52	10.15	19.06
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.40	0.49	0.50	0.50
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.60	0.51	0.50	0.50
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.94	0.49	0.47	0.42

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2021	2022	2023	2024
Số ngày phải thu	62.15	60.42	60.43	57.81
Số ngày phải trả	47.15	41.30	33.73	33.64
Số ngày tồn kho	25.09	25.46	21.73	17.27
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38.2%	39.0%	38.6%	37.9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	17.5%	17.2%	17.3%	17.5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	12.2%	12.1%	12.3%	12.5%
ROE	25.8%	27.2%	28.1%	28.6%
ROA	9.1%	10.1%	11.6%	11.9%
ROIC	14.6%	17.1%	21.4%	23.2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5,418	6,440	8,279	9,315
+ Đầu tư ngắn hạn	20,731	13,047	16,104	21,785
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	6,882	8,503	9,674	11,380
+ Hàng tồn kho	1,507	1,966	1,593	1,836
+ Tài sản ngắn hạn khác	580	982	1,055	1,159
Tài sản ngắn hạn	35,118	30,938	36,706	45,475
+ Các khoản phải thu dài hạn	167	225	247	332
+ Tài sản cố định	10,399	12,033	13,643	14,842
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	1,291	1,062	1,315	2,560
+ Đầu tư dài hạn	3,102	3,238	3,335	3,319
+ Tài sản dài hạn khác	3,621	4,154	5,036	5,486
Tài sản dài hạn	18,580	20,713	23,577	26,538

Tổng Tài sản	53,698	51,650	60,283	72,013
+ Vay ngắn hạn	17,799	10,904	13,838	14,446
+ Phải trả người bán	2,866	3,209	2,603	4,424
+ Nợ ngắn hạn khác	9,096	10,408	13,211	15,910
Nợ ngắn hạn	29,761	24,521	29,652	34,780
+ Vay dài hạn	2,296	1,478	208	501
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	223	295	490	935
Nợ dài hạn	2,519	1,773	698	1,436
Tổng nợ phải trả	32,280	26,294	30,350	36,217
+ Vốn cổ phần	9,076	10,970	12,700	14,711
+ Thặng dư vốn cổ phần	50	50	50	50
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7,000	7,712	8,674	11,024
+ Quỹ khác	3	3	3	3
Vốn chủ sở hữu	21,418	25,356	29,933	35,797
Tổng cộng nguồn vốn	53,698	51,650	60,283	72,013

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	19.5%	23.4%	19.6%	19.4%
Tăng trưởng LNNT	20.4%	20.9%	20.1%	20.3%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	1149.2%	22.4%	21.8%	21.4%
Tăng trưởng EPS	45.6%	1.3%	5.2%	4.8%
Tăng trưởng VCSH	15.8%	20.9%	15.8%	15.8%
Tăng trưởng Tổng tài sản	28.7%	-3.8%	16.7%	19.5%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	16.74	19.63	30.13	26.82
P/B	4.05	4.95	7.80	7.05
EV/EBITDA	12.86	13.27	19.14	16.98
EV/Sales	2.55	2.60	3.91	3.53
EPS (đồng/cp)	4,779	4,840	5,091	5,336
BVPS (đồng/cp)	19,769	19,185	19,663	20,298

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây